

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2022/HS-ST
Ngày 30/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH HUNG YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Minh Tiếp

Bà Nguyễn Thị Hải Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tân Hợp - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/TLST-HS ngày 16/9/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HS ngày 19/9/2022 đối với:

*** Các Bị cáo:**

1. Họ và tên: Nguyễn Như T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại huyện K, tỉnh Hưng Yên; đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông: Nguyễn Như T2 và bà Lê Thị V; Vợ, con: Không có; tiền án: Ngày 11/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản có giá trị 6.800.000đồng, T chưa bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại số tiền 5.990.000đồng); Ngày 16/4/2019, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp có giá trị 15.000.000đồng, bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “Tái phạm”), T Chấp hành xong bản án tháng 9 năm 2020; Ngày 18/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản có giá trị 900.000đồng). T chấp hành xong hình phạt ngày 26/8/2021; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/3/2017, bị Công an xã L, huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; T bị bắt, tạm giữ từ ngày 13/7/2022 đến ngày

16/7/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Có mặt

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982 tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; đăng ký HKTT/chỗ ở: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông: Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị T4; Vợ đã ly hôn: Nguyễn Thị K; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án: Ngày 09/5/2019, TAND huyện K xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. H chấp hành xong hình phạt ngày 13/10/2020; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/10/2006, UBND xã L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 05/11/2008, UBND xã L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 03/4/2014, TAND huyện V xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản. (đã được xóa án tích); H bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

Có mặt

* **Bị hại:** Ông Đào Văn N, sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B1, xã T1, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

* **Người làm chứng:** Anh Vũ Văn Th, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên Như T, sinh năm 1992, đăng ký HKTT tại thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên và Nguyễn Văn H, sinh năm: 1982, đăng ký HKTT tại thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên quen biết nhau từ trước nên khoảng 00 giờ 30 phút ngày 15/5/2022, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển số 29T2-9401 trên đường ĐT 377 theo chiều từ xã L, huyện V đi xã T, đến khu vực chợ thôn B, xã L gặp T đang đi bộ theo chiều ngược lại, T nhìn và nhận ra H nên nói: “Dừng lại, chờ em ra chỗ này có chút việc”. H đồng ý rồi điều khiển xe chở T đến khu vực gần nhà ông Đào Văn N, sinh năm 1965 ở thôn B1, xã T1, huyện V thì T bảo với H: “ Em biết nhà này có cây mộc hương đẹp lắm, anh em mình nhỏ về trồng” thì H đồng ý. Khi đến nhà ông N, H đỗ xe ở ven đường rồi đi bộ vào sát tường rào nhà của ông N, còn T cũng xuống xe rồi trèo qua tường rào vào trong vườn của nhà ông N đi đến tại vị trí cây mộc hương được trồng trong

chậu xi măng đặt ở sân, T dùng hai tay nhô cây mộc hương cao 2,6m, tán xòe rộng 1,15m, đường kính thân gốc 06cm ra khỏi chậu. T trèo qua tường rào ra vị trí của H bảo H đứng ở ngoài đỡ cây mộc hương rồi T lại trèo vào bên trong dùng hai tay nhấc cây mộc hương qua tường rào đưa cây mộc để H đỡ, H mang ra để ở cổng nhà ông Tạ Ngọc Đàm sinh năm 1937 ở thôn B1, xã T1, huyện V giáp nhà ông N. Tiếp đó, T trèo tường ra ngoài đến vị trí để cây mộc hương còn H đi ra lấy xe mô tô. T dùng hai tay bê lên xe mô tô để H chở về khu ruộng sau nhà H cất giấu rồi T và H đi về nhà ngủ. Sáng ngày 16/5/2022, H ra ruộng và trồng cây mộc hương ở đó.

Ngày 16/5/2022, ông Đào Văn N phát hiện bị mất cây mộc hương nên đã có đơn trình báo Công an xã T1. Sau khi tiếp nhận đơn của ông N, Công an xã T1 đã tiến hành xác minh và bàn giao hồ sơ vụ việc nêu trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 01/6/2022, H biết ông N có đơn trình báo nên đã tự nguyện mang cây mộc hương mà H và T đã trộm cắp đến nhà ông N để trả.

Ngày 03/6/2022, ông Nguyễn Văn T5 (là bố đẻ của H) đã giao nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 29T2-9401 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 29T2-9401 mang tên Nguyễn Thanh L là xe mà H sử dụng để trộm cắp tài sản để phục vụ công tác điều tra.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã yêu cầu định giá tài sản đối với cây mộc hương của ông N bị T và H trộm cắp. Ngày 10/6/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 cây mộc hương cao khoảng 2,6m, tán xòe rộng khoảng 1,15m, đường kính gốc 06cm trị giá 8.000.000đồng.

Quá trình điều tra xác định: chiếc xe mô tô đăng ký sở hữu mang tên Nguyễn Thanh L ở phường K, CQCSĐT Công an huyện V xác minh tại phường K xác định: hiện không còn địa chỉ, trên đăng ký xe không có năm sinh nên không xác định được Nguyễn Thanh L; kết quả tra cứu chiếc xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ông T5 mua chiếc xe trên của anh Nguyễn Văn Thao, sinh năm 1982 ở thôn CD Quán Trách, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên với giá 8.500.000đ. Ông T5 cho H mượn xe nhưng không biết H sử dụng xe để trộm cắp tài sản. Ngày 30/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại ông T5 chiếc xe cùng đăng ký của chiếc xe trên.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT-VKSVG ngày 16/9/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Như T về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn H về tội “**Trộm cắp tài sản**” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như

nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T5 khẳng định xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 29T2-9401 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 29T2-9401 mang tên Nguyễn Thanh Lâm ông mua của anh Nguyễn Văn Th ở xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên với giá 8.500.000đ. Ông cho H mượn xe nhưng không biết H sử dụng xe để trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại ông chiếc xe và đăng ký của chiếc xe trên, nay ông không yêu cầu đề nghị gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm đã truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 1 điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: 01 cây mộc hương đã trả lại bị hại, 01 xe mô tô đã trả lại ông T5 nên nay không đặt ra giải quyết.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên không đề cập giải quyết trách nhiệm dân sự.

Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật.

- Bị hại và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt bị hại và những người làm chứng.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với đơn đề nghị và lời khai của Bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định, bản ảnh giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo qui định của pháp luật. Do đó HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/5/2022, Nguyên Như T và Nguyễn Văn H đã lén lút chiếm đoạt 01 cây mộc hương của gia đình ông Đào Văn N, sinh năm 1965 tại thôn B, xã T1, huyện V, tỉnh Hưng Yên, có giá trị 8.000.000đồng để mang về trồng. Các Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên vẫn cố ý thực hiện. Năm 2019, Nguyên Như T đã bị Tòa án nhân dân huyện V kết án về tội Trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại cố ý phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Hành vi của bị cáo Nguyên Như T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, vì lòng tham nên các bị cáo nảy sinh ý định và rủ nhau trộm cắp tài sản, không có sự chuẩn bị, phân công chặt chẽ nhiệm vụ giữa các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người khởi sướng, rủ bị cáo H trộm cắp tài sản và là người thực hành tích cực. Sau T là H, khi được T rủ, H đồng ý và tham gia tích cực vào việc trộm cắp cây mộc hương và mang cây mộc hương về trồng tại khu ruộng sau nhà H.

[4]. Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, gây hoang mang lo lắng đối với những người có tài sản trong việc trông coi cất giữ tài sản của mình. Xét nhân thân và diễn biến hành vi phạm tội, HĐXX thấy việc tìm sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản đã trở thành thói

quen của các bị cáo. Các Bị cáo còn trẻ và khỏe mạnh nhưng không chịu lao động để thỏa mãn nhu cầu, sở thích của bản thân mà lại chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện lối sống buông thả, coi thường pháp luật nên cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm để cải tạo, giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn H đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nay lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Như T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H đã tự nguyện trả lại tài sản cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều có tiền án và đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

[6]. Về hình phạt: Từ những phân tích nêu trên HĐXX thấy cần xử các bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, góp phần phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

- Ông N đã nhận lại cây mộc hương và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết trách nhiệm dân sự;

- Ông T5 đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 29T2-9401 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 29T2-9401 mang tên Nguyễn Thanh Lâm và không đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

[9]. Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra xác định: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 29T2-9401 và 01 đăng ký xe mô tô biển số 29T2-9401 mang tên Nguyễn Thanh L. Cơ quan CSĐT Công an huyện V xác minh tại phường K xác định: hiện không còn địa chỉ, trên đăng ký xe không có năm sinh nên không xác định được Nguyễn Thanh L; kết quả tra cứu chiếc xe không có trong cơ sở dữ

liệu xe máy vật chứng. Ông T5 và anh Thao xác nhận ông T5 mua chiếc xe trên của anh Thao với giá 8.500.000đ. Ông T5 cho H mượn xe nhưng không biết H sử dụng xe để trộm cắp tài sản. Ngày 30/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại ông T5 chiếc xe cùng đăng ký của chiếc xe trên là phù hợp, nay HĐXX không xem xét giải quyết.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

[11]. Các vấn đề khác:

- Ông Nguyễn Văn T5 không biết H dùng xe của ông để trộm cắp tài sản, không biết H mang cây mõc hương trộm cắp của ông N về trồng tại ruộng của gia đình mình nên không có căn cứ xử lý đối với ông T5.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Như T.

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Khoản 1 điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

- Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Như T, Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 13/7/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 05/7/2022.

4. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

6. Về xử lý vật chứng: Không đề cập giải quyết.

7. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Như T, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V.
- Công an huyện V.
- Chi cục T.H.A.DS huyện V.
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Miện